TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 565/2023/DS-PT
Ngày: 15/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh.

Ông Lại Huỳnh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 đến ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2023/TLPT-DS ngày 16/3/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1331/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số 4575/2023/QĐ-PT ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hải A, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: 200/5N đường B, ấp C, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Nguyễn Thị Thanh G, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ H, ấp I, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Minh M, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: 30/2A Đường N, phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/04/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải A trình bày:* Bà và bà Nguyễn Thị Thanh G là chị em trong gia đình. Vào ngày 01/12/2019, bà G có nói đang cần tiền để nhập hàng về bán nên có hỏi vay bà số tiền 500.000.000 đồng, do tin tưởng bà G nên bà có cho bà G vay số tiền 500.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền do bà G ký tên, hẹn đến ngày 01/12/2021 trả số tiền nêu trên. Đến ngày 05/12/2019, bà có đến ngân hàng R chi nhánh Q, huyện E, thành phố Hồ Chí Minh chuyển cho bà G số tiền 500.000.000 đồng.

Bị đơn đã chuyển khoản 03 lần trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng. Do đó, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh G phải trả cho nguyên đơn số tiền là 420.000.000 đồng, không yêu cầu bà G trả tiền lãi suất, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại bản đề nghị ngày 06/5/2022 bà Nguyễn Thị Thanh G trình bày:* Ngày 05/12/2019, bà A có chuyển cho bà số tiền 500.000.000đ và bà có viết 01 giấy biên nhận để làm tin đề ngày 01/12/2019 như bà A đã trình bày. Bà và bà A có thoả thuận bằng miệng số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm. Nay bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà G đã chuyển trả cho bà A nhiều lần tổng số tiền là 321.000.000 đồng. Do đó, nay bà G chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền 179.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm 01/2023/DS-ST ngày 03/01/2023 của Toà án nhân dân huyện L đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh G.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh G phải trả cho bà Nguyễn Thị Hải A số tiền là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/01/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Bà A có cho bà G vay nhiều khoản tiền, cụ thể: ngày 5/12/2019 vay 500 triệu đồng (Chuyển khoản qua ngân hàng cho bà G) không có lãi, hứa 01 tháng trả; ngày 14/12/2019 cho vay 47 triệu đồng (Bà chuyển tiền qua mạng cho bà G) ngày 28/12/2019 bà G trả cho bà 49 triệu đồng, trong đó trả 47 triệu đồng và 2 triệu đồng bà G gửi tiền hoa quả (dân hương); ngày 14/01/2020 cho vay 34 triệu đồng (Chuyển tiền qua mạng) sau đó ngày 20/1/2020 bà G chuyển khoản 20 triệu đồng và ngày 21/1/2020 bà G chuyển trả tiếp 15 triệu đồng, đây là số tiền trả cho khoản vay 34 triệu đồng và bà G tự nguyện chuyển thêm cho bà 01 triệu đồng tiền hoa quả.

Đối với khoản tiền bà G đã chuyển khoản cho bà qua tài khoản R để trả vào nợ gốc gồm: Ngày 4/6/2020 trả 25.000.000đ; ngày 18/6/2020 trả 25.000.000đ; ngày 19/12/2020 trả 30.000.000đ. Tổng cộng bà đã nhận là 80 triệu. Nay bà yêu cầu bà G trả 420.000.000đ còn lại.

Ngoài việc vay mượn tiền của bà thì bà G còn vay tiền của bà Trương Thái S (Là người quen của bà). Đối với khoản tiền 125 triệu đồng bà G chuyển vào tài khoản của bà ngày 24/3/2020 là đúng, nhưng sau đó hai bên thỏa thuận là giao số tiền này để trả trước cho khoản vay của bà G đối với bà S, nên bà đã giao lại cho bà S, không được trừ vào số tiền bà G trả cho bà.

Bị đơn trình bày: Bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 500 triệu đồng, không có lãi suất.

Bị đơn đã trả được các khoản sau: ngày 28/12/2019 trả 49 triệu đồng; ngày 22/2/2020 trả 40 triệu đồng; ngày 24/3/2020 trả 125 triệu đồng; ngày 20/1/2020 trả 20 triệu đồng; ngày 21/1/2020 trả 15 triệu đồng; ngày 3/6/2020 trả 25 triệu đồng; ngày 19/12/2020 trả 30 triệu đồng (Do nguyên đơn đã thừa nhận) là 304 triệu; ngoài ra tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn còn thừa nhận đã nhận 80 triệu. Do đó, toàn bộ số tiền mà bà A đã nhận của bà G là 384 triệu đồng. Nay bà G chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền còn lại là 116 triệu đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu thể hiện số tiền bà G đã trả cho bà A là 245 triệu. Do đó, bà G còn có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền còn lại là 255 triệu đồng

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

Về án phí: Các bên chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 116 triệu đồng.

Căn cứ giấy vay tiền ngày 01/12/2019 giữa bà G và bà A và lời xác nhận của hai bên thể hiện bà A có cho bà G vay số tiền 500.000.000đ; thời hạn vay từ 01/12/2019 đến 01/12/2021. Đồng thời hai bên có thoả thuận, trong thời gian trên bà G có khả năng trả trước một phần thì bên cho vay bà A đồng ý. Theo giấy nợ hai bên không thoả thuận lãi suất.

Căn cứ lời thừa nhận của các đương sự và các mục sao kê chuyển khoản qua ngân hàng thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn còn thực hiện việc cho vay nhiều lần. Ngoài khoản vay 500 triệu đồng trên hai bên còn có các khoản vay khác là 47 triệu đồng và 34 triệu đồng.

Về tiền bà G trả cho bà A:

Về số tiền đã trả cho khoản vay 500 triệu đồng, cụ thể:

Ngày 22/01/2020, bà G chuyển khoản cho bà A 40 triệu đồng có nội dung là "bác G ck 40 tr trước" bà A cho rằng nhận dùm bà S, nhưng không được bà G thừa nhận, không có biên bản xác nhận của ba bên, nên có cơ sở chấp nhận số tiền này được trả cho khoản vay 500 triệu đồng.

Ngày 24/3/2020, bà G chuyển khoản cho bà A số tiền 125 triệu đồng, có nội dung "Bác G ck 100 tr và 25 tr"; bà A cho rằng số tiền trên bà G chuyển vào tài

khoản của bà nhưng sau đó các bên thoả thuận là giao cho bà S toàn bộ số tiền trên vì ưu tiên trả tiền cho bà S trước. Tuy nhiên việc trình bày của bà A không được bà G thừa nhận và không có chứng cứ chứng minh, không có xác nhận giữa ba bên nên xác định số tiền này bà G đã trả cho bà A.

Căn cứ bảng liệt kê tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng R và sự thừa nhận của nguyên đơn thì ngày 3/6/2020 (Có hiệu lực ngày 4/6/2020) bà A chuyển cho bà G là 25 triệu đồng; ngày 17/6/2020 (Có hiệu lực ngày 18/6/2020) bà A chuyển cho bà G 25 triệu đồng; ngày 19/12/2020 bà G chuyển khoản cho bà A 30 triệu đồng. Do vậy có cơ sở trừ các khoản tiền này vào khoản tiền bà G trả bà A.

Về các khoản tiền bà G cho rằng đã trả cho bà A, cụ thể:

Ngày 27/12/2019, bà G chuyển khoản cho bà A số tiền 49.000.000đ, nhưng nội dung chuyển khoản "cô A món 47 triệu đồng"; không thể hiện trả cho khoản vay 500 triệu đồng, nên không có cơ sở xem xét;

Ngày 20/01/2020, bà G chuyển khoản cho bà A số tiền 20 triệu đồng; Ngày 21/01/2020, bà G chuyển khoản cho bà A 15 triệu đồng với nội dung "bác G chuyển khoản trả 15 triệu đồng trong gói 34 hôm trước", xét thấy bà A có chuyển khoản cho bà G vay số tiền 34 triệu đồng; bà A thừa nhận số tiền 15 triệu đồng này là trả cho khoản vay 34 triệu đồng và bà G tự nguyện chuyển thêm 1 triệu đồng tiền dâng hương và bà G cũng thừa nhận có việc này. Nên khoản trả này không phải trả cho khoản vay 500 triệu đồng.

Đối với các khoản tiền chuyển khoản từ bà G qua tên Trương Thái S, không thể hiện được là chuyển tiền gì, khoản vay nào, của ai; không được bà A thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà G là số tiền được chuyển trả cho bà A theo khoản vay 500 triệu đồng, cụ thể: "Ngày 20/01/2020 G chuyển Trương Thái S 27 triệu, bác G chuyển khoản 2 lần 30 tr lãi 500 tr; ngày 20/01/2020 G ck Thái Hà 3tr: "G ck món 500tr"; ngày 18/2/2020 G ck S 15tr "ck S 15 tr 15 ngày"; ngày 18/3/2020, G ck S 104 triệu nội dung Bác G ck S".

Từ những nhận định trên, xác định bà G có trả tiền cho bà A là: 245.000.000đ. Bà G còn nợ lại bà A 255.000.000đ. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần.

Về tiền lãi: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu, nên cấp sơ thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Toà án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải nộp phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228, Điều 272, Điều 273, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh G.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải A.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh G phải trả cho bà Nguyễn Thị Hải A số tiền là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.750.000đ (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hải A phải chịu án phí 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng

(Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0045659 ngày 13 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hải A 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh G không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà G số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí số AA/2021/0046097 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Cần Giờ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện L ;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Như Hà